

LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG VỚI VIỆC BẢO TỒN CÁC GIÁ TRỊ VĂN HOÁ NGHỀ

TRƯƠNG MINH HẰNG*

1. Trong tiến trình lịch sử Việt Nam, nghề thủ công hình thành ngay từ trong lòng xã hội nguyên thủy, không đợi đến sự xuất hiện của làng. Tuy nhiên, phải đợi cho đến khi cơ cấu làng Việt ra đời và ổn định thì làng nghề - với tư cách là “một thực thể vật chất và tinh thần được tồn tại cố định về mặt địa lí, ổn định về mặt nghề nghiệp hay một nhóm các nghề có mối liên hệ mật thiết với nhau để làm ra một loại sản phẩm...”⁽¹⁾, mới trở thành một bộ phận quan trọng cấu thành lịch sử kinh tế - văn hoá Việt Nam. Làng nghề chính là một trong những nét đặc sắc của quá trình phát triển tiền tư bản phương Đông ở Việt Nam. Các nghề nổi tiếng và lâu đời nhất như nghề đúc đồng, dệt vải, làm giấy, làm gốm, chạm gỗ, chạm khắc đồ kim loại, v.v... đều xuất phát và tồn tại ở các làng. Duy chỉ có Thăng Long là nơi tập trung các nghề và phường nghề khá sớm và hoạt động như các phường nghề đô thị kiểu Hà Lan. Song, ở đây chủ yếu là thương mại và sản xuất nhỏ, còn nổi

tiếng và có sức mạnh kinh tế quốc gia vẫn là các làng nghề. “Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng; vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông”... mới là huyền thoại thực sự, có khả năng cang đáng được thương mại cả nước, cả vùng cũng như với nước ngoài⁽²⁾. Khi cần huy động nhân lực cho xây dựng đô thị, cho giao lưu buôn bán quốc tế, nhà nước phong kiến vẫn phải điều động, phân bổ về các làng. Tên của làng nghề gắn liền với đặc trưng sản phẩm đến mức tên của sản phẩm luôn kèm theo tên gọi của làng.

Ở Việt Nam, ngoài những nghề thủ công xuất hiện từ hai, ba ngàn năm trước, còn lại, phần lớn các nghề thủ công phát triển mạnh (trong cơ cấu làng nghề) từ sáu, bảy trăm năm trở lại đây. Suốt hàng ngàn năm tồn tại, nghề thủ công không chỉ để lại cho đời sau những sản phẩm vật chất và tinh thần vô giá, mà còn đóng góp những vật dụng, công cụ thiết yếu, góp phần phát triển và nâng cao giá trị cho các loại hình nghệ thuật dân gian khác như âm nhạc, chèo,

* TS. Trương Minh Hằng, Viện Nghiên cứu Văn hóa.

tuồng, múa rối nước, v.v... Nghề và làng nghề thủ công từ lâu đã trở thành một bộ phận không thể tách rời trong di sản văn hoá dân tộc.

Làng nghề có phạm vi hoạt động rộng lớn, có truyền thống lâu đời và để lại cho đời sau những sản phẩm quý giá (rất nhiều cổ vật Việt Nam hiện đang được lưu giữ trong các Bảo tàng nổi tiếng trên thế giới); nhưng quan trọng hơn là nó hàm chứa, lưu giữ và nuôi dưỡng truyền thống văn hoá một cách cụ thể, đậm nét và bền vững nhất. Trên các sản phẩm thủ công, bản sắc dân tộc được bộc lộ một cách sinh động qua hình khối, đường nét, màu sắc, qua cách kết cấu, qua ý nghĩa của đề tài, và đặc biệt là qua các kĩ thuật, kĩ xảo điêu luyện.

Như đa số các nước trong khu vực Đông Nam Á, trong chiếc nôi của nền văn minh lúa nước, các nghề thủ công ở Việt Nam dường như không tách khỏi nông nghiệp mà luôn đan xen, tồn tại song hành với nghề nông. “Làng nghề gắn liền với các vùng nông nghiệp và người nông dân làm nghề thủ công để giải quyết hợp lí sức lao động dư thừa được cơ cấu theo đặc trưng nông nghiệp là mùa vụ”⁽³⁾. Chính vì vậy, văn hoá nghề cũng mang đậm sắc thái văn hoá nông nghiệp của các cư dân bản địa. Giá trị văn hoá nghề thể hiện rõ nhất trong diện mạo kinh tế làng xã. Một làng có nghề, đời sống của người dân ổn định và được nâng cao so với các làng thuần nông. Nghề thủ công từ vị trí chỉ là những nghề phụ được tổ chức và thực thi vào những khi “nông nhàn”, rồi về sau, rất nhiều nghề trở

thành nguồn thu nhập chính của cả làng. Nhờ vậy, diện mạo kinh tế làng cùng với những thiết chế văn hoá khác như đình, chùa, đền, miếu... được xây dựng và tu bổ, kèm theo đó là những hội hè, lễ thức, phong tục, tập quán, những sinh hoạt văn hoá nghề có truyền thống lâu đời được duy trì và phát triển. Ở một góc nhìn nào đó, làng nghề còn ít nhiều mang tính chất của một làng buôn. Thông qua các mối giao lưu, trao đổi và buôn bán sản phẩm, tầm nhìn và tri thức của người thợ được mở rộng. Người thợ thủ công có tay nghề cao được cả xã hội trọng vọng. Có câu: “Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh” dùng để chỉ những nghệ nhân tài hoa, danh tiếng. Trong xã hội phong kiến xưa, trừ các làng có người đỗ đạt cao (đặc biệt là các làng khoa bảng), các làng được coi là thành danh và nổi tiếng trong thiên hạ phần lớn là các làng nghề.

Để duy trì các hoạt động nghề nghiệp, mỗi làng nghề, do tính chất, đặc trưng nghề nghiệp, đều có những cách thức tổ chức và phân công lao động khác nhau. Những cách thức này, ban đầu chỉ là những qui ước, rồi trở thành qui lệ; lúc đầu là truyền miệng, sau, theo thời gian, những lễ, luật trong hành nghề, truyền nghề dần được văn bản hoá, và ở một số làng, nó còn trở thành một bộ phận quan trọng trong hương ước. Một trong những mục đích quan trọng của những qui lệ này là giữ gìn, bảo lưu các bí quyết nghề nghiệp. Mỗi nghề đều có những bí quyết khác nhau, được trao truyền nghề từ đời này sang đời khác theo hình thức cha truyền con

nổi (trong khuôn khổ một dòng tộc hoặc một cộng đồng làng xã).

Việc truyền dạy nghề chủ yếu là dạy những kinh nghiệm trong thực hành. Một điều đáng tiếc là chưa bao giờ những tri thức nghề nghiệp, (trong đó đặc biệt là những kĩ thuật, kĩ xảo, những bí truyền tích lũy qua nhiều thế hệ thợ) được sưu tập, biên chép thành văn bản, và ở mức cao hơn là đúc kết thành lí luận. Chính vì vậy, mặc dù đã có những lễ, luật khắt khe trong việc hành nghề, giữ nghề, một số bí quyết nghề vẫn bị thất truyền hoặc bị mai một theo thời gian. Nghề đúc đồng ở Việt Nam là một ví dụ. Mặc dù trống đồng được coi là đỉnh cao rực rỡ nhất của văn hoá Đông Sơn (tồn tại cách đây khoảng 2.500 - 4.000 năm) và nghề đúc đồng, gò đồng dường như vẫn được nối tiếp duy trì trong các làng nghề truyền thống, nhưng trên thực tế, không một làng nào có khả năng làm được những sản phẩm đạt tới những chuẩn mực của quá khứ (kể cả một trong những làng đúc đồng nổi tiếng là làng Ngũ Xá, Hà Nội). Tri thức nghề không chỉ thể hiện trong khuôn khổ một nghề truyền thống mà còn thể hiện qua sự phối hợp đồng bộ và hài hoà nhiều phường nghề, nhiều hiệp thợ khác nhau khi cùng chung dựng một "sản phẩm", ví dụ như những công trình kiến trúc công cộng: đền đài, lăng tẩm, đình chùa, v.v...

Thông qua một khía cạnh của đời sống tinh thần là việc thờ phụng và tôn vinh tổ nghề, giá trị của văn hoá nghề còn thể hiện trên 2 bình diện: 1) Hầu hết các làng nghề đều lập nơi thờ tổ

nghề và cất cử người coi giữ việc phụng thờ, hương khói. 2) Lưu truyền bằng văn bản hoặc truyền khẩu các giai thoại, truyền thuyết, huyền tích... nhằm ghi nhận công tích, bày tỏ lòng biết ơn, rồi trải qua thời gian, dần dần "thiên hoá" vị tổ nghề. Các làng nghề có thể tôn vinh một hoặc nhiều vị tổ nghề. Đây là người có công (hoặc có liên quan) đối với nguồn gốc xuất hiện và sự thăng trầm của một nghề. Tổ nghề thường được thờ phụng ở đình, đền, miếu..., hoặc nhà thờ tổ. Ở nhiều làng nghề, đền thờ còn là nơi giao lưu, hội tụ các sinh hoạt văn hoá nghề và cũng là nơi giới thiệu, quảng cáo, mua bán các sản phẩm, v.v... Có thể nói, tục thờ tổ nghề là một nét đẹp trong văn hoá truyền thống Việt Nam.

Như vậy, giá trị của văn hoá nghề không chỉ thể hiện trên mặt bằng kinh tế, trên phương thức tổ chức lao động thủ công thông qua kinh nghiệm và tri thức nghề nghiệp mà còn hiện diện trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội. Với những đặc điểm cơ bản của làng nghề Việt Nam, có thể nhận thấy, làng nghề chứa đựng trong nó những giá trị nhân văn và văn hoá truyền thống quý giá, cần được bảo tồn, khai thác và phát triển.

2. Theo một con số thống kê mới nhất, hiện nay, nước ta có 1.450 làng thu nhập chính bằng nghề thủ công, với 1.348.000 thợ thủ công chuyên nghiệp, 40,6% sản phẩm thủ công dành cho xuất khẩu, với số kim ngạch 360 triệu đôla mỗi năm cho thị trường hơn 100 nước. Nhìn về số lượng, có vẻ khả quan.

Nhưng nhìn về chất lượng và khả năng phát triển bền vững, chúng ta không thể không suy nghĩ. Qua điều tra, chỉ có 22,3% số sản phẩm thủ công của nước ta thực sự có sức cạnh tranh trên thị trường. Điểm yếu nhất của hàng thủ công hiện nay lại rơi vào giá trị cơ bản nhất của nó, đó là chất lượng thẩm mỹ thấp và truyền thống bị mai một⁽⁴⁾. Có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân quan trọng nhất là chúng ta chưa xác định một cách đầy đủ, rõ rệt vai trò, giá trị của các làng nghề và nghề thủ công truyền thống, vì vậy, chưa có sự quan tâm tương xứng với những đóng góp của chúng đối với đất nước cả về mặt kinh tế và văn hoá.

Có một khoảng thời gian dài (gần nửa thế kỉ), cơ cấu làng nghề gần như bị phá vỡ. Bắt đầu từ những năm 1945 – 1954, do chiến tranh, các làng nghề không có điều kiện phát triển. Sau đó, trong suốt thời bao cấp, làng nghề được chia thành các hợp tác xã thủ công, việc sản xuất bị sa sút, nhiều đền thờ tổ nghề bị phá phách hoặc để cho mưa gió làm đổ nát, những phong tục tập quán và lễ hội riêng của làng nghề bị quên dần, hoặc bị nhồi ép vào những nội dung, kiểu cách không ăn nhập với truyền thống. Chế độ gia công bao mua độc quyền đã đánh đồng tất cả thợ thủ công, từ nghề nhân đến thợ mới vào nghề đều trở thành người làm thuê, lệ thuộc vào những loại hàng giá rẻ. Các sản phẩm độc đáo, tinh xảo không có điều kiện thực hiện và không có nơi tiêu thụ... Giá gia công quá rẻ cộng với nhiều tiêu cực trong việc thu hoá đã thúc đẩy người thợ thủ công tìm mọi cách bớt xén nguyên liệu và làm

hàng dối, các kĩ xảo tinh vi và phong cách độc đáo không được người thợ sử dụng, mai một dần. Vị trí xã hội thấp đã làm cho lớp thanh niên mới, kể cả con cháu nghề nhân không muốn theo nghề nữa⁽⁵⁾. Cho đến những năm mở đầu thời chuyển đổi cơ cấu kinh tế, do không có sự hỗ trợ, định hướng kịp thời của Nhà nước và chính quyền địa phương, hầu hết các làng nghề đều phải tự thân vận động, xoay sở; các sản phẩm thủ công tự phát “bung ra”, trôi nổi trên thị trường trong và ngoài nước, và bị phụ thuộc vào rất nhiều nhân tố ngoại sinh khác để thăng trầm, tồn tại... Nhưng điều đáng lo ngại nhất là các di sản văn hoá của làng nghề đang bị mất dần. Phần lớn lịch sử lập làng, các giai thoại, truyền thuyết xung quanh nghề và tổ nghề, các kĩ thuật, kĩ xảo riêng của mỗi nghề thường chỉ được lưu giữ qua truyền tay, truyền khẩu, ít được nghiên cứu và ghi chép lại. Lớp thợ lão thành mất đi sẽ mất dần các chi tiết nghề nghiệp, các bí quyết và kinh nghiệm, ngay cả các mẹo vặt trong nghề. Các hiện vật, công cụ làm nghề qua nhiều thời bị vứt bỏ, không ai sưu tầm. Những sản phẩm độc đáo, có giá trị thì thất tán cùng nạn buôn bán đồ cổ. Cảnh quan và dấu tích cổ của làng nghề đang bị phá vỡ... “Các công trình văn hoá cổ không có đủ thợ tài năng phục chế, mỗi lần sửa sang là một lần làm giảm sút giá trị nghệ thuật”⁽⁶⁾. Thực trạng làng nghề hiện nay đã đặt ra yêu cầu cấp bách cần phải được bảo tồn và gìn giữ những tinh hoa truyền thống nghề nghiệp. Tuy nhiên, việc bảo tồn cần phải được tiến hành song song với phát triển bền vững. Nói

một cách cụ thể hơn, bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống là cơ sở nền tảng cho phát triển, và phát triển là một trong những phương thức để bảo tồn. Đây là hai mặt của một vấn đề: “giữ gìn bản sắc văn hoá” - đã và đang được đặt ra một cách cấp thiết cho sự tồn tại, hưng thịnh của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc.

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, khi hội nhập kinh tế trở thành một vấn đề thời sự, các nhà kinh tế - chính trị học mới nhận thấy một cách đầy đủ hơn vai trò của các sản phẩm thủ công mỹ nghệ trong giao lưu kinh tế, văn hoá. Nếu như các sản phẩm thủ công có giá trị được coi là những di sản văn hoá vật thể thì nghề thủ công truyền thống là một trong những hình thức thể hiện của di sản văn hoá phi vật thể. Điều này đã được xác định rõ trong Công ước về bảo vệ văn hoá phi vật thể của UNESCO công bố vào tháng 10 năm 2003⁽⁷⁾. Trong chính sách hoạch định và phát triển kinh tế theo từng giai đoạn, Nhà nước cũng xác định nghề và làng nghề truyền thống là một trong những thế mạnh của kinh tế đất nước. Phát triển làng nghề là một hướng đi cơ bản, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và kinh tế của cả nước.

Mặc dù phải chịu nhiều thiệt thòi do những nguyên nhân khách quan đem lại, nhưng trên thực tế, từ những năm 90, rất nhiều sản phẩm thủ công đã tìm được chỗ đứng trên thị trường trong và ngoài nước, nhiều cơ sở sản xuất mỹ nghệ có đủ năng lực để cạnh tranh với

hàng ngoại nhập. Điều đó chứng tỏ tiềm năng, triển vọng và sức sống mãnh liệt của nền thủ công mỹ nghệ Việt Nam.

Để đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng, sản phẩm thủ công đang dần hình thành hai loại: Loại đại trà - sản xuất hàng loạt, giá cạnh tranh, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu; loại đặc biệt, hay còn gọi là hàng độc - giá cả tuy cao nhưng chất lượng tuyệt hảo, dành cho khách sành chơi. Cơ chế thị trường đã tạo cho các làng nghề sự năng động sáng tạo, bên cạnh sự điều luyện vốn có. Nhiều công ty, xí nghiệp đang hình thành ngay tại các làng nghề, đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức sản xuất, bao tiêu sản phẩm và liên kết nhiều hộ cá thể để tạo ra sức mạnh tập thể về vốn và năng lực sản xuất. Lực lượng này đã góp phần không nhỏ trong việc kích thích sản xuất, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn trong giai đoạn mới⁽⁸⁾.

Như một tất yếu khách quan, khi nghề nghiệp dần ổn định và đi vào quỹ đạo chung của kinh tế hàng hoá, chất lượng sản phẩm và thương hiệu của các làng nghề được thẩm định và đánh giá trên thị trường tiêu thụ, thì nguồn thu của người thợ được nâng cao, đời sống tinh thần và vật chất của họ được cải thiện. Đồng thời với việc này, việc bảo tồn các giá trị văn hoá phi vật thể của làng nghề được đặt ra một cách thuận lợi và thiết thực. Khi điều kiện kinh tế cho phép, những người thợ bắt tay vào việc xây dựng và tu tạo đền thờ tổ nghề, phục hồi, mở rộng quy mô các lễ hội liên quan đến nghề và tổ nghề, gìn

giữ, phát huy những nét đẹp trong quy lệ, quy ước nghề nghiệp.

Để bảo tồn các giá trị văn hoá nghề, cũng cần chú ý đến một nhân tố mới nảy sinh trong thời đại công nghiệp hoá là du lịch và ẩm thực. Làng nghề là cội nguồn và là cơ sở nền tảng cho phát triển văn hoá du lịch và ẩm thực. Du lịch phát triển nhanh, hàng lưu niệm (chủ yếu là những sản phẩm thủ công mỹ nghệ) sẽ nhanh chóng trở nên quan trọng vì hiệu quả kinh tế cao. Làng nghề và những cơ sở sản xuất thủ công truyền thống cũng sẽ trở thành điểm du lịch hấp dẫn khách tham quan. Có thể nói, nhu cầu thị trường mở rộng là động lực mạnh mẽ thúc đẩy các nghề thủ công phát triển.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, quá trình phát triển các làng nghề hiện nay đang đặt ra những vấn đề cần phải giải quyết trước mắt và lâu dài. Ví dụ: Khai thác triệt để kinh nghiệm, tri thức của các nghệ nhân có tay nghề cao để ứng dụng và lưu truyền cho các thế hệ sau; Sự cần thiết phối hợp đào tạo nghề với nâng cao trình độ văn hoá và các kiến thức xã hội khác giúp cho người thợ có thể đáp ứng yêu cầu sản xuất trong giai đoạn mới; Giải quyết ô nhiễm môi trường trong các làng nghề; Thiết kế mẫu, mã cho sản phẩm vừa mang phong cách truyền thống, vừa mang phong cách hiện đại, nhằm tạo ra các sản phẩm có giá trị nghệ thuật cao, đáp ứng nhu cầu của thị

trường trong và ngoài nước; Quảng bá được thương hiệu của làng nghề thông qua các hội chợ, triển lãm, các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là xây dựng khu công nghiệp làng nghề thành địa điểm du lịch hấp dẫn. v,v...

Như vậy, nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam mới đem lại một sắc thái riêng, độc đáo, trong “bức khảm văn hoá châu Á”, và sản phẩm của làng sẽ trở thành chiếc cầu nối giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực.

TÀI LIỆU DẪN

1. Lê Thị Minh Lý (2003), “Làng nghề và việc bảo tồn các giá trị văn hoá phi vật thể”, Di sản văn hoá, (4), tr. 68 – 71.
2. Nguyễn Quân, Phan Cẩm Thượng, Mỹ thuật ở làng, Nxb. Mỹ thuật, H, 1991, tr.7.
3. Lê Thị Minh Lý (2003), bdd.
4. Vũ Hy Thiều (2003), “Cần quan tâm đến các nghề thủ công truyền thống”, Văn hoá nghệ thuật, số 8, tr.36-39.
5. Vũ Hy Thiều (1996), “Để các nghề thủ công mỹ nghệ phát triển”, Văn hoá nghệ thuật, (1), tr. 27- 29.
6. Vũ Hy Thiều (1996), bdd, tr.28
7. UNESCO (2003), “Công ước về bảo vệ văn hoá phi vật thể”, Di sản văn hoá (6), tr. 98-102.